

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 20-9-2021

V/v: Tranh chấp đất đai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Nguyễn Văn Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST-DS ngày 02/4/2021 về “*Tranh chấp đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-DS ngày 01/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L; Sinh năm 1938; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

Người đại diện ủy quyền: Ông Hồ Sỹ C; sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2020) – *Có mặt*

Bị đơn: Ông Trần Văn Q; Sinh năm 1936; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị T; Sinh năm 1940; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

- Anh Trần Văn H; Sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- Chị Trần Thị N; Sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Th, sinh năm ; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*;

2. Ông Trần A, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*;

3. Ông Dương Đình B, sinh năm 1944; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn ông Hồ Sỹ C trình bày:

Gia đình bà L và gia đình ông Q là hàng xóm liền kề. Thửa đất số 408 tờ bản đồ số 5 (bản đồ 371) ở thôn Tiến Giang, xã Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh của ông Hồ Sỹ D và bà Nguyễn Thị L là đất thổ cư, có nguồn gốc từ lâu đời do cha ông để lại. Trước đây cụ Hồ V và cụ Trần Thị B (cha mẹ ông D) sử dụng một nửa vườn, ông D và bà L sử dụng một nửa vườn, sau khi cụ V và cụ B chết thì nhập 2 vườn làm một. Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường dân cư, phía nam giáp hộ ông Dương Văn C và hộ ông Trần Văn Q, phía Đông giáp hộ ông Trần A, phía Tây giáp hộ ông Bùi Công T, hộ bà Bùi Thị Th, hộ ông Bùi Thanh T2 và hộ bà Trần Thị N. Ông D và bà L sử dụng thửa đất này từ trước năm 1980, đến năm 2000 ông D và bà L chuyển đi nơi khác sống giao lại thửa đất trên cho con trai là ông Hồ Sỹ C quản lý, năm 2016 ông D chết. Năm 2015, ông Trần Văn Q đã tự ý tạo ngõ đi trên thửa đất của gia đình có vị trí nằm ở phía Đông giáp hộ ông Trần A kéo dài từ đất ông Q cho đến đường dân cư phía Bắc thửa đất. Năm 2018 ông Q đổ đất làm đường đi, tiến hành xây dựng hàng rào, năm 2020 ông Q tiếp tục đổ bê tông và làm cổng trên phần đất tranh chấp. Khi xảy ra sự việc, gia đình bà L có báo với Ủy ban nhân dân xã Đồng Môn tiến hành đình chỉ thi công và hoà giải tranh chấp đất đai nhưng không thành. Vì vậy, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Q trả lại đất lấn chiếm làm lối đi và dời dọn hàng rào, cổng và các công trình xây dựng trên lối đi để hoàn trả mặt bằng như ban đầu.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn Q trình bày:

Thửa đất số 567 tờ bản đồ số 5 (bản đồ 371) ở thôn Tiến Giang, xã Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh gia đình ông Q đang sử dụng có nguồn gốc hai vườn nhập thành một, phần đất phía đông của mảnh vườn là đất thổ cư, có nguồn gốc sử dụng lâu đời do cha ông để lại, trên đất có nhà thờ họ Trần; phần đất phía Tây trước năm 1980 do hộ ông Lê Loan sử dụng sau đó chuyển đi nơi khác sống, khoảng năm 1980 Ban quản lý ruộng đất xã cấp mảnh vườn trên của hộ ông Lê Loan cho bà Dương Thị H (mẹ ông Q, là mẹ liệt sỹ), nên gia đình ông nhập hai vườn thành một và sử dụng cho đến nay. Lối đi tranh chấp đã có từ lâu đời, trước đây gia đình ông Lê Loan sử dụng làm lối đi sau đó cấp cho bà Dương Thị H nên gia đình ông được quyền quản lý sử dụng lối ngõ trên. Do đó, ông Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T (vợ ông Q) trình bày:

Thông nhất như trình bày trên của ông Q và đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt bà.

Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H và chị Trần Thị N (con trai và con dâu của ông Q) trình bày:

Năm 2017 anh H và chị N được ông Q và bà T cho ra ở riêng trên mảnh đất cũ của gia đình ông Lê Loan. Từ khi sinh sống tại đó đến nay, vợ chồng anh H chị N sử dụng lối đi tranh chấp làm lối đi chính. Việc láng đường, xây hàng rào và cổng do ông Q thực hiện. Anh H và chị N cho rằng lối đi tranh chấp nói trên có từ lâu đời, không thuộc thửa đất của gia đình bà L quản lý sử dụng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 176 Bộ luật Dân sự: Xác định lối đi tranh chấp có diện tích 76,3m² là đất chung, không thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn Q. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Q trả lại 100m² đất lấn chiếm làm lối đi. Buộc bị đơn ông Trần Văn Q phải tháo dỡ tường rào, cổng sắt và toàn bộ các công trình xây dựng trên lối đi chung.

+ Về lệ phí: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Trần Văn Q phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mỗi người một nửa.

+ Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Nguyễn Thị Lộc và ông Trần Văn Q được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp đất đai tại xã Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đối với ông Trần Văn Q. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T và chị Trần Thị N đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị T và chị Nguyễn Thị N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Q trả lại 100m² đất lấn chiếm:

[2.1] Theo kết quả xác minh tại địa phương, thửa đất số 408, tờ bản đồ số 5 là đất thổ cư, có nguồn gốc do cha ông để lại cho ông Hồ Sỹ D và bà Nguyễn Thị L. Tại Bản đồ 299 đo vẽ giai đoạn 1984-1986 có số thửa 318, tờ bản đồ số 3, diện tích 670m², tại Sổ đăng ký ruộng đất do Ủy ban nhân dân xã Thạch Đồng, huyện Thạch Hà, tỉnh Nghệ Tĩnh (nay là xã Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) lập ngày 28/8/1986 tên chủ sử dụng đất là Hồ Sĩ Dụng. Tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 15/11/1985 của ông Hồ Sỹ Dụng đối với thửa đất số 318, tờ bản đồ số 3 ghi diện tích 670m², loại ruộng đất: T (thổ cư), nguồn gốc đất ông cha để lại. Tại Bản đồ 371 đo vẽ giai đoạn 1993-1994 có số thửa 408, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.130m², tại Sổ mục kê ruộng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 18/02/1994 tên chủ sử dụng đất là Hồ Sỹ Dũng. Tại Bản đồ số đo vẽ năm 2009 có số thửa 485, tờ bản đồ số 47, diện tích 1.216,5m² mang tên Hồ Sỹ Dũng. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2021, thửa đất trên hiện trạng có diện tích 1.202m², tứ cận: Phía Bắc giáp đường dân cư và hộ bà Trần Thị N; Phía Nam giáp đất hộ ông Dương Văn C và hộ ông Trần Văn Q; Phía Đông giáp ngõ tranh chấp; Phía Tây giáp đất hộ ông Bùi Công T, bà Bùi Thị Th, ông Bùi Thanh T; Thửa đất có xây tường rào bao quanh, tường rào phía Bắc, phía Nam và phía Tây do gia đình bà L xây dựng năm 2015, tường rào phía Đông giáp ngõ tranh chấp do gia đình ông Trần Văn Q xây dựng năm 2016. Tài sản trên đất có 1 ngôi nhà tạm và 01 nhà xưởng. Mặc dù chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Hồ Sỹ D đã có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã Thạch Đồng xác nhận được ở hợp pháp và được ghi chép tại Sổ đăng ký ruộng đất xã Thạch Đồng nên căn cứ Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, ông Hồ Sỹ D được quyền quản lý sử dụng thửa đất. Ông Hồ Sỹ D chết năm 2016 nên bà Nguyễn Thị L (vợ ông D) quản lý sử dụng đất là hợp pháp.

[2.2] Thửa đất số 567, tờ bản đồ số 5 là đất thổ cư, có nguồn gốc do cha ông để lại cho ông Trần Văn Q và bà Lê Thị T. Tại Bản đồ 299 đo vẽ giai đoạn 1984-1986 có số thửa 321, tờ bản đồ số 3, diện tích 540m², tại Sổ đăng ký ruộng đất do Ủy ban nhân dân xã Thạch Đồng, huyện Thạch Hà, tỉnh Nghệ Tĩnh (nay là xã Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) lập ngày 28/8/1986 tên chủ sử dụng đất là Trần Văn Q. Tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 15/11/1985 của ông Trần Văn Q đối với thửa đất số 321, tờ bản đồ số 3 ghi diện tích 540m², loại ruộng đất: T, nguồn gốc đất ông cha để lại (có 4 thước đất 5%). Tại Bản đồ 371 đo vẽ giai đoạn 1993-1994 có số thửa 567, tờ bản đồ số 5, diện tích 518m², tại Sổ mục kê ruộng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 18/02/1994 tên chủ sử dụng đất là Trần Văn Q. Tại Bản đồ số đo vẽ năm 2009 có số thửa 519 + 543, tờ bản đồ số 47, diện tích 588,6m² + 74,1m² mang tên Trần Văn Q. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2021, thửa đất trên hiện trạng có diện tích 743,2m², tứ cận: Phía Bắc giáp đất hộ bà Nguyễn Thị L, ngõ tranh chấp và đất hộ ông Trần A; Phía Nam giáp đất hộ bà Đào Thị V và hộ ông Trần Anh S; Phía Đông giáp ngõ dân cư và đất hộ ông Trần Văn L; Phía Tây giáp đất hộ ông Dương Văn C; Hiện trạng thửa đất được tách đôi có xây tường ngăn cách, một bên có 01 ngôi nhà gỗ sử dụng ngõ tranh chấp làm lối đi,

một bên có 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 nhà thờ sử dụng ngõ dân cư phía đông làm lối đi. Thửa đất có tường rào xây bao quanh. Mặc dù chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Trần Văn Q đã có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã Thạch Đồng xác nhận được ở hợp pháp và được ghi chép tại Sổ đăng ký ruộng đất xã Thạch Đồng nên căn cứ Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ ông Trần Văn Q được quyền quản lý sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất nói trên.

[2.3] Ngõ tranh chấp: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2021, ngõ tranh chấp hiện trạng có diện tích $76,3m^2$, tứ cận: Phía Bắc giáp đường dân cư rộng 3,09m; Phía Nam giáp đất hộ ông Trần Văn Q rộng 3.59 m; Phía Đông giáp đất hộ ông Trần A dài 11,33m + 15,72m; Phía Tây giáp đất hộ bà Nguyễn Thị L dài 25,08m (có sơ đồ kèm theo). Ngõ lảng xi măng, hai bên ngõ có xây tường rào và có 01 cổng sắt tiếp giáp đường dân cư. Tường rào tiếp giáp đất hộ bà L, cổng sắt và lảng ngõ do ông Q xây dựng, tường rào tiếp giáp đất ông A do ông A xây dựng. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các hộ dân sinh sống lâu năm trên địa bàn, ngõ tranh chấp là một lối mòn có từ xưa đến nay được các hộ dân cư xung quanh sử dụng để đi lại, trước năm 1980 ngõ này có hộ ông Lê Loan và hộ bà Nguyễn Thị L cùng sử dụng làm lối đi ra đường dân cư, sau khi hộ ông Lê Loan chuyển đi nơi khác sinh sống thì chỉ có hộ bà Nguyễn Thị L sử dụng. Sau năm 1980 khi hộ ông Trần Văn Quê được giao quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Loan thì gia đình ông Q cũng sử dụng ngõ đó cho trâu bò đi lại. Trước đây không ai tranh chấp về lối ngõ này, đến năm 2016 ông Q tiến hành xây hàng rào, làm cổng và lảng ngõ sử dụng lối ngõ trên làm lối đi riêng cho con là anh Trần Văn H và chị Trần Thị N nên hộ bà L và hộ ông Q xảy ra tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã Đồng Môn đã lập biên bản đình chỉ vì lý do ông Q xây dựng công trình trên đất đang tranh chấp. Tại Bản đồ 299 không thể hiện các lối ngõ rộng dưới 3m. Giai đoạn đo vẽ Bản đồ 371 do ông Q rào vườn lại không sử dụng lối ngõ trên nên khi đo vẽ bản đồ không thể hiện lối ngõ. Tại Bản đồ số đo vẽ hiện trạng năm 2009 thể hiện có lối ngõ nói trên. Theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Bản đồ 299 và Bản đồ 371 không phải là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất mà Đơn xin đăng ký ruộng đất và Sổ đăng ký ruộng đất xã Thạch Đồng mới là giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất. Tại Đơn xin đăng ký ruộng đất ngày 15/11/1985 của ông Hồ Sỹ D và Sổ đăng ký ruộng đất xã Thạch Đồng thể hiện diện tích đất hộ ông Hồ Sỹ D được quyền sử dụng là $670m^2$. Theo kết quả đo hiện trạng thửa đất hộ ông Hồ Sỹ D có diện tích $1.202 m^2$. Như vậy, có căn cứ khẳng định lối ngõ trên có từ trước đến nay được các hộ dân xung quang sử dụng chung làm lối đi lại nên xác định là ngõ đi chung của các hộ dân cư, nguyên đơn trình bày năm 2015 bị đơn tự ý tạo lối đi trên thửa đất của gia đình nguyên đơn và khởi kiện ông Trần Văn Q lấn chiếm đất là không có căn cứ, không được chấp nhận. Tuy nhiên, lối ngõ trên là ngõ chung của các hộ dân cư nên việc ông Trần Văn Q tự ý xây dựng tường rào và cổng sắt để sử dụng riêng là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Dân sự, cần buộc ông Q phải tháo dỡ tường rào, cổng sắt và toàn bộ công trình xây dựng trên lối đi chung.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Trần Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ

thẩm. Tuy nhiên, xét bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn Q đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bà L và ông Q.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà L và ông Q phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 4.735.957 đồng (bao gồm cả tiền thuê máy đo đạc kỹ thuật số 4.335.957 đồng). Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Vì vậy, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.368.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 176 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Q trả lại 100m² đất lấn chiếm làm lối đi.

2. Buộc bị đơn ông Trần Văn Q phải tháo dỡ tường rào, cổng sắt và toàn bộ các công trình xây dựng trên lối đi chung.

3. Về án phí: Miễn cho bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn Q toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 2.368.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền 4.736.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.368.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Tĩnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Lê Thanh Huyền